

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HS-ST
Ngày 22 - 8- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đàm Thị Minh Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Bế Ngọc Hùng**

Ông **Vi Thanh Cầm**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Triệu Thị Tuyết** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Tuấn** và bà **Nông Thị Quế** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 27/2022/HSST, ngày 13/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/HSST-QĐ ngày 08/8/2022, đối với bị cáo:

Phạm Văn T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 22/11/1980 tại B, Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị E; Vợ: Nông Thị H; con: có 02 con (Con lớn sinh năm 2003; con nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nông Thị H** - sinh năm 1982; Trú tại: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 20 phút ngày 22/01/2022, tổ công tác Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn phát hiện, kiểm tra đối với Phạm Văn T, sinh năm 1980, trú tại thôn P, xã B, huyện B, đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97B1 - 245.22 di chuyển trên đường Quốc lộ 279 khu vực thôn Bản Hon, xã B hướng đi thị trấn Chợ Rã, huyện B.

Qua kiểm tra T đã tự nguyện giao nộp 03 (ba) kíp nổ để ở túi áo ngực bên phải đang mặc; 01 (một) túi nilon bên trong chứa 1,04kg (một phẩy không bốn kilôgam) thuốc nổ và 01 (một) đoạn dây cháy chậm dài 22cm (hai mươi hai centimet) để trong cốp xe của T.

Quá trình điều tra đối với Phạm Văn T xác định: Khoảng tháng 11/2021 (âm lịch) T, đi tìm mua gỗ xoan tại thôn Nà Nộc, xã B, huyện B (cách nhà T khoảng 7km) thì nghe thấy tiếng nổ phát ra từ khu vực suối thuộc thôn Nà Nộc nên T đã đến xem và gặp 02 (hai) người đàn ông, không biết tên và lai lịch, chỉ biết là người ở tỉnh Cao Bằng đã dùng thuốc nổ để đánh bắt cá, T hỏi hai người này còn thuốc nổ thì bán cho một ít. Sau khi nghe T nói thì có một người đàn ông đồng ý bán cho T 03 (ba) kíp nổ, 01 (một) đoạn dây cháy chậm và một túi nilon bên trong chứa thuốc nổ với giá tiền 100.000^d (*Một trăm nghìn đồng*). Sau đó T vận chuyển số vật liệu nổ trên về cất giấu tại nhà của T ở thôn P, xã B, huyện B. Ngày 22/01/2022 T đang vận chuyển số vật liệu nổ đến khu vực thôn Bản Hon, xã B để đánh cá thì Cơ quan Công an phát hiện thu giữ toàn bộ vật liệu nổ trên.

Cùng ngày 22/01/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành khám xét nơi ở của Phạm Văn T. Kết quả không phát hiện đồ vật, tài liệu liên quan. Ngày 18/02/2022 Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường khu vực T cất giấu vật liệu nổ tại nhà riêng thuộc thôn P, xã B, huyện B (theo lời khai của T). Kết quả hoàn toàn phù hợp với lời khai của Phạm Văn T trong quá trình điều tra.

Tại bản Kết luận giám định số 839/KL-KTHS ngày 18/3/2022 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận:

- Mẫu vật ký hiệu A1 gửi giám định đều là kíp điện vỏ nhôm. Kíp nổ điện vỏ nhôm là phụ kiện nổ, thuộc nhóm vật liệu nổ. Kíp nổ có tác dụng kích nổ thuốc nổ.

- Mẫu vật ký hiệu A2 gửi giám định:

- + 01 (một) đoạn dây màu nâu đen dài 22cm là dây cháy chậm, là phụ kiện nổ, thuộc nhóm vật liệu nổ, dây cháy chậm có tác dụng dẫn lửa gây nổ kíp nổ.

- + Các hạt màu trắng dạng hình tròn là thuốc nổ công nghiệp ANFO, thuộc nhóm vật liệu nổ, thường dùng trong khai khoáng, mở đường (Tất cả các vật liệu nổ trên đều còn sử dụng được).

Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKS-P1, ngày 11/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội: “*Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ*” theo quy định tại khoản 1 điều 305 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm”.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T như Cáo trạng đã nêu, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65/Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung và đề nghị miễn án phí cho bị cáo. Vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Đồng thời bị cáo là hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung và tiền án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do vậy, có cơ sở để khẳng định:

Khoảng tháng 11/2021, Phạm Văn T, sinh năm 1980, trú tại thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã mua 03 (ba) kíp nổ; 1,04kg (một phẩy không bốn kilôgam) thuốc nổ và 01 (một) đoạn dây cháy chậm dài 22cm (hai mươi hai centimet) với 02 người đàn ông không biết lai lịch tại khu vực suối thuộc thôn Nà Nộc, xã B, huyện B với số tiền 100.000^d (*Một trăm nghìn đồng*) rồi vận chuyển về nhà cất giấu. Ngày 22/01/2022, T vận chuyển số vật liệu nổ trên mang đi đánh cá thì bị cơ quan Công an kiểm tra và thu giữ số vật liệu nổ trên.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý vật liệu nổ, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nhận thức được hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội nhưng bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” quy định tại khoản 1 Điều 305 của Bộ

luật hình sự 2015, do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như đã nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo có bố đẻ được Tỉnh ủy tặng thưởng Bằng khen, có ông nội được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú, ổn định, rõ ràng do vậy không cần thiết buộc bị cáo phải đi chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương thì vẫn đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Vật chứng trong vụ án: Căn cứ điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Số vật chứng không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (Một) phong bì ký hiệu A1.

- 01 chiếc xe mô tô màu xanh - đen - bạc nhãn hiệu Honda, số loại Wave, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, BKS: 97B1-245.22, số máy 3390730, số khung 590668, dung tích xi lanh 97 kèm theo 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 021803, tên chủ xe Phạm Văn T, do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 21/02/2013. Đây là tài sản chung của bị cáo và của vợ bị cáo là chị Nông Thị H, khi bị cáo đã sử dụng chiếc xe vào việc vận chuyển trái phép vật liệu nổ thì chị H không biết, do vậy cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe (phần của bị cáo), còn 1/2 giá trị chiếc xe trả lại cho bà Nông Thị H.

- 01 (Một) Giấy chứng minh thư nhân dân số: 095151389 mang tên Phạm Văn T, sinh ngày 22/11/1980, cấp ngày 07/9/2007, cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với vật chứng là vật liệu nổ thu giữ của Phạm Văn T vào ngày 22/01/2022, Cơ quan giám định đã sử dụng hết trong quá trình giám định nên không còn vật chứng để xử lý.

[6]. Về án phí: Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí, do vậy cần miễn án phí hình sự cho bị cáo.

[7]. Các tình tiết khác của vụ án: Đối với hai người đàn ông bán vật liệu nổ cho Phạm Văn T, do không có tài liệu xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ, xử lý.

- Đối với bà Nông Thị H, sinh năm 1982, trú tại thôn P, xã B, huyện B là vợ của Phạm Văn T. Qua điều tra xác định: Hướng không biết việc T mua bán, tàng trữ, vận chuyển, trái phép vật liệu nổ, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65/Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì ký hiệu A1.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe mô tô màu xanh - đen - bạc nhãn hiệu Honda, số loại Wave, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, BKS: 97B1-245.22, số máy 3390730, số khung 590668, dung tích xi lanh 97; kèm theo 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 021803, tên chủ xe Phạm Văn T, do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 21/02/2013. Trả lại cho bà Nông Thị H 1/2 giá trị chiếc xe mô tô.

- Trả lại cho bị cáo 01 (Một) Giấy chứng minh thư nhân dân số: 095151389 mang tên Phạm Văn T, sinh ngày 22/11/1980, cấp ngày 07/9/2007.

(Tình trạng như Biên bản bàn giao vật chứng giữa cơ quan Công an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn, ngày 12/7/2022)

4. Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí;

Bị cáo Phạm Văn T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh BK;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- THAHS;
- Bị cáo;
- Ng có QLNVLQ;
- Lưu HS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đàm Thị Minh Hương